

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HOA LƯ'
TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHANG**

QUY CHẾ

Thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2025-2026
*(Ban hành kèm theo QĐ số 106/QĐ-THNK ngày 22/9/2025 của
Hiệu trưởng trường Tiểu học Ninh Khang)*

Hoa Lư, tháng 9 năm 2025

Số: 106/QĐ-THNK

Hoa Lư, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với trường Tiểu học Ninh Khang
Năm học 2025-2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHANG

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2024-2025 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, của trường Tiểu học Ninh Khang.

QUYẾT ĐỊNH:

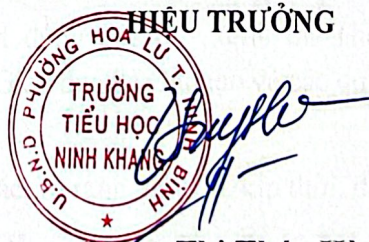
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy chế thực hiện công khai đối với trường Tiểu học Ninh Khang năm học 2025-2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, CMHS thuộc trường Tiểu học Ninh Khang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VT



Phạm Thị Thúy Hòa

Hoa Lư, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUY CHẾ

Thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2025-2026 trường Tiểu học Ninh Khang
(Ban hành kèm theo QĐ số 106/QĐ-THNK ngày 22/9/2025 của HT Trường TH Ninh Khang)

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Ninh Khang xây dựng quy chế thực hiện quy định về công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị năm học 2025 - 2026 như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. MỤC ĐÍCH CÔNG KHAI

1. Minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

2. Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

Điều 2. NGUYÊN TẮC CÔNG KHAI

1. Việc thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Điều 3. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.
5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.
6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.
7. Tổ chức bộ máy:
 - a) Quyết định thành lập trường;
 - b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường
 - c) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;
 - d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, thành viên (nếu có);
 - d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.
8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của nhà trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Điều 4. Thông tin về thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:
 - a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư và các khoản thu khác từ người học và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);
 - b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.
2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh.
3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.
4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).
5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Điều 5. Thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá của nhà trường.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Điều 6. Thông tin về Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

CHƯƠNG III

CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

Điều 7. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024 (tại Điều 6 của quy chế này), tính đến tháng 6 năm 2026;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm:

- Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên của TT09 (tại Điều 3, 4, 5, 6 của quy chế này);

c) Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại Điều 6 quy chế này trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới:

Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

3. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại Điều 6 của quy chế này. Cách thức công khai, trước ngày 30 tháng 6 năm 2026. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại (tại Điều 3, 4, 5, 6 của quy chế này). Cách thức công khai, trước ngày 30 tháng 6 năm 2026. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước (2025) thì cập nhật tính đến

hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. **Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử:** Tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại Điều 3, 4, 5, 6 của quy chế này. Cách thức công khai, trước ngày 30 tháng 6 năm 2026, nhà trường phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Thông tư 09/2024 của Bộ GD&ĐT, Hiệu trưởng nhà trường xây dựng và ban hành quy định cụ thể về công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026;

2. Ban chỉ đạo tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác năm học 2025-2026 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2026-2027;

3. Hiệu trưởng Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2025. Quy chế này thay thế Quy chế thực hiện nhiệm vụ công khai của năm học 2024-2025, ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng trường TH Ninh Khang ban hành Quy chế thực hiện công khai trong trường Tiểu học Ninh Khang năm học 2024-2025.

2. Các tổ chức đoàn thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Trang Website trường;
- Lưu hồ sơ công khai;
- Lưu VT.



 H. B. D. PHƯỜNG HOA T. N. B. NINH KHANG

 HIỆU TRƯỞNG

 TRƯỜNG

 TIỂU HỌC

 NINH KHANG

 Phạm Thị Thuý Hoà